



## Chương 2 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

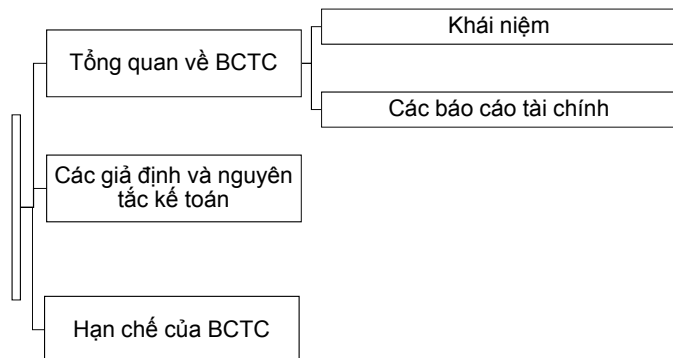
### Mục tiêu

Sau khi nghiên cứu xong chương này, sinh viên có thể:

- Hiểu được mục đích và ý nghĩa của báo cáo tài chính.
- Giải thích kết cấu và nội dung và ý nghĩa của các báo cáo tài chính.
- Giải thích các giả định và nguyên tắc kế toán cơ bản.
- Giải thích những hạn chế của báo cáo tài chính

2

### Nội dung



3

### Tổng quan về báo cáo tài chính

- Khái niệm
  - Tình hình tài chính và sự thay đổi tình hình tài chính
  - Thời điểm và thời kỳ
- Các báo cáo tài chính
  - Bảng cân đối kế toán
  - Báo cáo KQHĐKD
  - Báo cáo LCTT
  - Bản thuyết minh BCTC

4

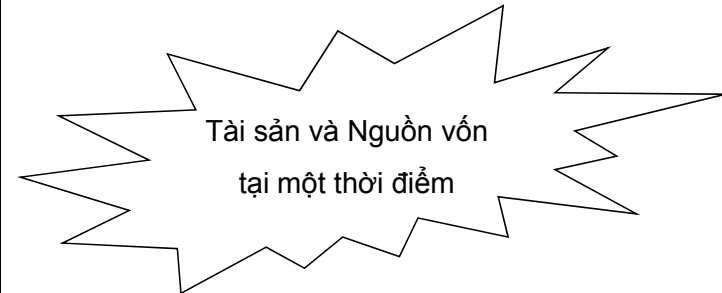
## Khái niệm

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp trình bày **tình hình tài chính** tại một **thời điểm** và **sự thay đổi tình hình tài chính** trong một **thời kỳ** nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng ra quyết định kinh tế

5

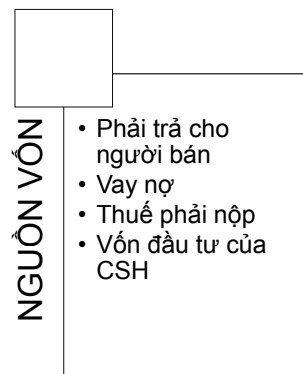
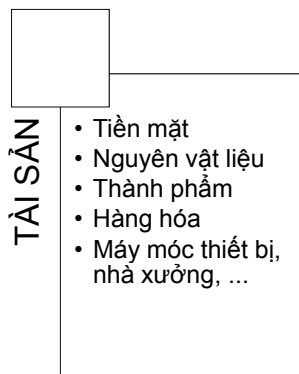
## Tình hình tài chính

Nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát và Nguồn hình thành các nguồn lực kinh tế.



6

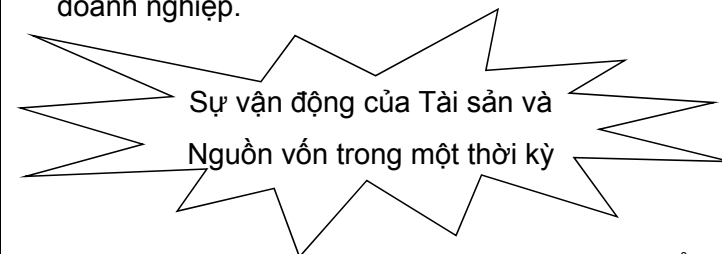
## Tình hình tài chính (tiếp)



7

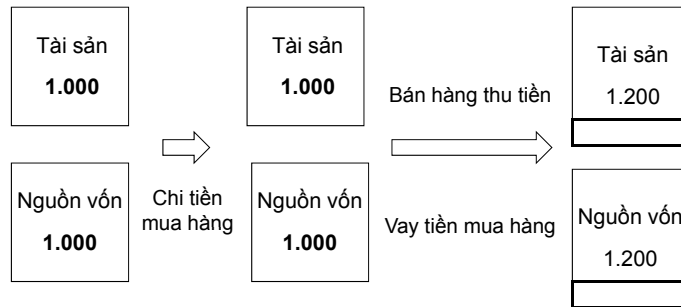
## Sự thay đổi tình hình tài chính

Sự vận động của nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát và nguồn hình thành của các nguồn lực ấy trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.



8

### Ví dụ 1



9

### Ví dụ 2

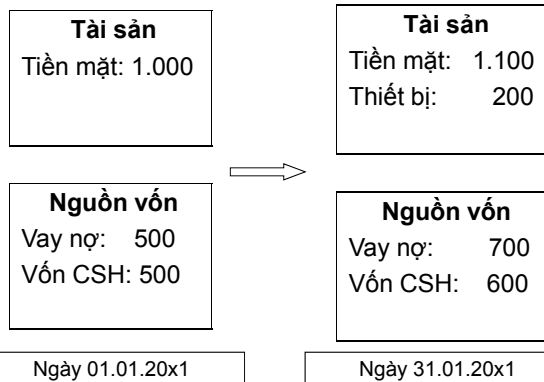
Ngày 01.01.20x1, bạn được giao điều hành một công ty có nguồn lực kinh tế là 1.000 triệu đồng dưới dạng tiền mặt. Nguồn hình thành của nguồn lực trên là 500 triệu đồng đi vay và 500 triệu đồng chủ nhân bỏ vốn. Trong tháng 01/20x1:

- o Bạn chi 300 triệu đồng mua hàng và bán hết với giá 400 triệu đồng thu bằng tiền mặt.
  - o Bạn vay thêm 200 triệu đồng bằng tiền mặt và dùng tiền vay này mua một thiết bị.
- Sự thay đổi tình hình tài chính của công ty sẽ được thể hiện như sau:

10

### Ví dụ 2 (tiếp)

Tình hình tài chính



11

### Ví dụ 2 (tiếp)

Sự thay đổi tình hình tài chính do kết quả HĐKD

**Tháng 1/20x1:**

- Doanh thu : 400
- Chi phí: 300
- Lợi nhuận: **100**

Làm tăng vốn chủ sở hữu

12

### Ví dụ 2 (tiếp)

Sự thay đổi tình hình tài chính do lưu chuyển tiền

**Tháng 1/20x1:**

❑ **Hoạt động kinh doanh**

- Thu tiền bán hàng: 400
- Chi tiền mua hàng: (300)

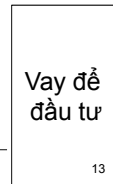
**Tiền tăng (giảm) từ HĐKD: 100**

❑ **Hoạt động đầu tư**

- Chi mua thiết bị: (200)
- Tiền tăng (giảm) từ HĐĐT: (200)**

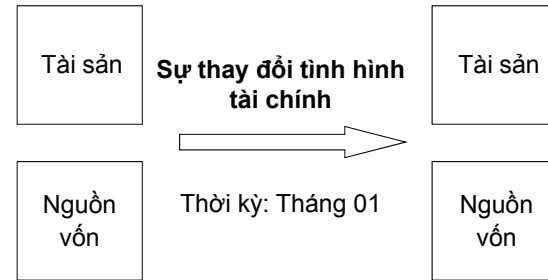
❑ **Hoạt động tài chính**

- Thu đi vay: 200
- Tiền tăng (giảm) từ HĐTC: 200**



13

### Thời điểm và thời kỳ



**Tình hình tài chính**

Thời điểm 01/01

**Tình hình tài chính**

Thời điểm 31/01

14

### Các báo cáo tài chính

Thông tin	Loại BCTC	Nội dung	Tính chất
Tình hình tài chính	Bảng cân đối kế toán	Nguồn lực kinh tế Nguồn hình thành nguồn lực kinh tế	Thời điểm
Sự thay đổi tình hình tài chính	Báo cáo kết quả HĐKD Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Sự vận động của nguồn lực kinh tế và sự thay đổi tương ứng của nguồn hình thành	Thời kỳ
Các thông tin bổ sung	Bản thuyết minh BCTC	Số liệu chi tiết và các giải thích	Thời điểm và thời kỳ

15

### Bài tập thực hành 1

Vào ngày 01.01.20x0, cửa hàng thực phẩm SafeFood của ông Huy có các nguồn lực kinh tế như sau:

Thực phẩm trong kho: 300 triệu đồng.

Tiền mặt: 100 triệu đồng.

Ông Huy đã bỏ ra số tiền là 250 triệu đồng để kinh doanh, vay của ngân hàng 150 triệu đồng. Trong tháng 01/20x0, ông Huy đã bán hết số thực phẩm trên và thu được 400 triệu đồng, số tiền này ông đã sử dụng như sau:

1. Trả lương cho nhân viên bán hàng tháng 1/20x0 là 30 triệu đồng.
2. Trả tiền thuê cửa hàng và các vật dụng là 20 triệu đồng.
3. Trả tiền lãi vay ngân hàng 2 triệu đồng.
4. Mua thực phẩm để tiếp tục kinh doanh trong tháng 2/20x0 là 330 triệu đồng.

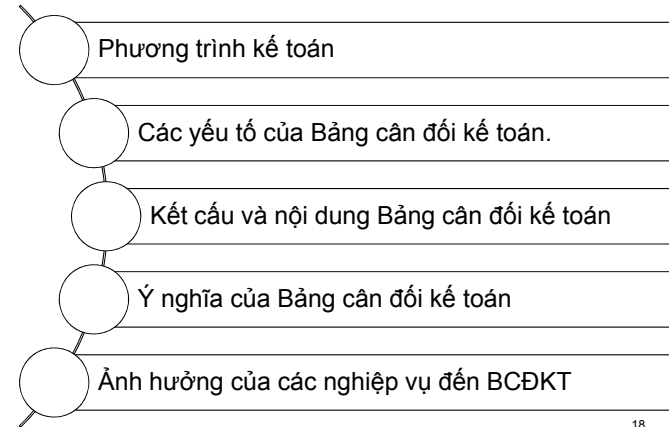
16

### Bài tập thực hành 1 (tiếp)

- a. So sánh số tổng cộng nguồn lực kinh tế và số tổng cộng nguồn hình thành nguồn lực ngày 01.01.20x0.
- b. Liệt kê các khoản tăng/giảm của nguồn lực kinh tế ngày 31.01.20x0 so với ngày 01.01.20x0 của cửa hàng, đối chiếu với các khoản tăng lên của nguồn hình thành.
- c. Tính lợi nhuận của cửa hàng trong tháng 1 bằng cách so sánh giữa doanh thu bán hàng và chi phí để có được doanh thu đó. Nếu là ông Huy, bạn có hài lòng với kết quả kinh doanh tháng 01/20x0 không?
- d. Liệt kê các khoản thu, chi trong tháng 01/20x0 của Cửa hàng.
- e. Ông Huy dự kiến vay ngân hàng thêm 50 triệu đồng để mua một tủ cấp đông. Nếu là ngân hàng bạn có cho ông Huy vay không? Tại sao?

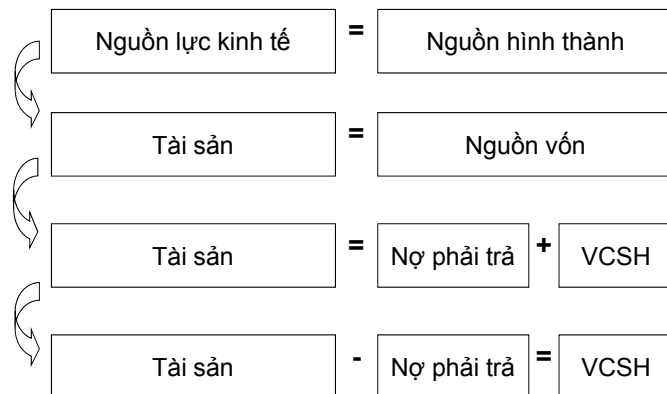
17

### Bảng cân đối kế toán



18

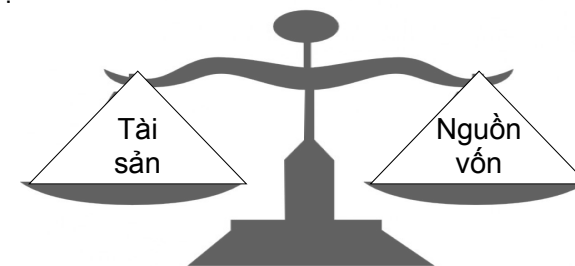
### Phương trình kế toán



19

### Bảng cân đối kế toán

**Bảng cân đối kế toán** phản ánh toàn bộ **tài sản** của doanh nghiệp theo **kết cấu** tài sản và **nguồn hình thành tài sản**, dưới hình thức **tiền tệ**, tại một **thời điểm** nhất định.



20

## Tài sản

□ **Tài sản** là những nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, nhằm mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai:

- Tiền
- Phải thu khách hàng
- Hàng tồn kho
- Tài sản cố định
- ...

21

## Nợ phải trả

□ **Nợ phải trả** là nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thanh toán:

- Vay nợ
- Phải trả người bán
- Thuế phải nộp Nhà nước
- Phải trả người lao động
- ...

22

## Vốn chủ sở hữu

**Vốn chủ sở hữu** là phần còn lại của tài sản sau khi thanh toán nợ phải trả. Vốn chủ sở hữu được doanh nghiệp được quyền sử dụng một cách chủ động, linh hoạt và không phải cam kết thanh toán:

- Vốn góp của chủ sở hữu
- Lợi nhuận chưa phân phối (Lợi nhuận tích lũy)
- ....

23

## Bài tập thực hành 2

Tài liệu về các tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Huy Hoàng (gọi chung là các khoản mục) vào ngày 31.01.20x1 như Bảng 1.

Yêu cầu:

- Dựa trên định nghĩa tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, hãy sắp xếp các khoản mục trên thành ba nhóm tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- Tính tổng tài sản của doanh nghiệp và dựa trên phương trình kế toán, hãy tính giá trị X.

24

## Bài tập thực hành 2 (tiếp)

Bảng 1

ĐVT: 1.000 đ

Các khoản mục	Số tiền	Các khoản mục	Số tiền
Tiền mặt tồn quỹ	415.000	Vay dài hạn ngân hàng ABC	1.500.000
Gỗ nguyên liệu	2.000.000	Khách mua SP còn nợ	172.000
Nhà xưởng ở Thủ Đức	3.000.000	Tiền điện còn nợ chưa trả	35.000
Tiền gửi ngân hàng	1.450.000	Lương tháng 1/20x1 chưa trả	450.000
Vốn góp của ông Huy	3.000.000	Thuế chưa đến hạn nộp	84.000
Vốn góp của ông Hoàng	1.000.000	Vay ngắn hạn NH SAB	2.745.000
Nợ tiền mua gỗ	250.000	Máy chà nhám sản phẩm	215.000
Thành phẩm	3.160.000	Lợi nhuận tích lũy	X

25

## Kết cấu vào nội dung của BCDKT

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			
A- Tài sản ngắn hạn			
B- Tài sản dài hạn			
<b>Tổng cộng tài sản</b>			
<b>NGUỒN VỐN</b>			
A- Nợ phải trả			
I- Nợ ngắn hạn			
II- Nợ dài hạn			
B- Vốn chủ sở hữu			
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>			

## Tài sản

**Tài sản ngắn hạn:** Là những tài sản có thể biến đổi thành tiền trong một kỳ kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trong vòng một năm kể từ ngày của báo cáo tài chính.

- Tiền mặt, TGNH
- Đầu tư CK ngắn hạn
- Phải thu khách hàng
- Nguyên vật liệu, Công cụ dụng cụ, Thành phẩm, Hàng hóa...
- ...

**Tài sản dài hạn:** Là những tài sản không thỏa mãn yêu cầu của tài sản ngắn hạn:

- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính dài hạn
- ...

27

## Nợ phải trả

**Nợ ngắn hạn:** gồm các khoản phải thanh toán trong một chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trong thời gian một năm kể từ ngày của báo cáo tài chính.

- Phải trả người bán
- Phải trả người lao động
- Thuế phải nộp NN
- Vay nợ ngắn hạn
- ...

**Nợ dài hạn:** là những khoản nợ phải trả không thỏa mãn định nghĩa của nợ ngắn hạn

- Vay nợ dài hạn
- ...

28

### Vốn chủ sở hữu

Do các nhà đầu tư góp vốn và phần tích lũy từ kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

- Vốn góp của chủ sở hữu
- Lợi nhuận chưa phân phối: là kết quả hoạt động của đơn vị sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và chia cổ tức.
- Quỹ đầu tư phát triển, ...: là các quỹ chuyên dùng sử dụng cho mục đích cụ thể.

29

### Bài tập thực hành 3

Dùng dữ liệu của Bài tập thực hành 2 để lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu.

30

### Ý nghĩa của BCDKT

- **Các thông tin về tài sản** của doanh nghiệp giúp người đọc đánh giá cơ bản về qui mô doanh nghiệp và cơ cấu tài sản.
- **Các thông tin về nguồn vốn** giúp người đọc hiểu được những nét cơ bản về khả năng tự chủ tài chính và các nghĩa vụ tương lai của doanh nghiệp.
- **Thông tin về khả năng trả nợ** cũng được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán thông qua việc so sánh giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn.

31

### Bài tập thực hành 4

Dùng dữ liệu của Bài tập thực hành 3, hãy nhận xét khái quát về tình hình tài chính của doanh nghiệp Huy Hoàng vào thời điểm 31.01.20x1

32



### Ảnh hưởng của các nghiệp vụ đến BCĐKT

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tài sản và nguồn vốn luôn vận động, thay đổi.

33

### Ví dụ 2

Công ty A thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01.9.20x4. Trong tháng 9/20x4 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

- Ngày 01/9: nhận vốn góp của các chủ sở hữu: ông B góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng 500.000.000 đồng, bằng tiền mặt 100.000.000 đồng và một số tài sản cố định trị giá 300.000.000 đồng; bà C góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng 600.000.000 đồng.
- Ngày 04/9: mua hàng hóa nhập kho, đã trả bằng tiền gửi ngân hàng 450.000.000đ.
- Ngày 10/9: mua một tài sản cố định, trị giá 380.000.000đ, chưa trả tiền cho người bán.
- Ngày 23/9: vay ngắn hạn ngân hàng 200.000.000đ trả nợ cho người bán tài sản cố định ở nghiệp vụ 3.

34

ĐVT: triệu đồng

NV	Tài sản		=	Nợ phải trả	+	Vốn chủ sở hữu	
	Tiền	Tài sản khác				Vốn góp	LN chưa PP
1							
2							
3							
4							

35

### Nhận xét

- ✓ Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh ảnh hưởng *ít nhất đến hai khoản* mục khác nhau trên BCĐKT.
- ✓ Nghiệp vụ kinh tế chỉ ảnh hưởng đến “Tài sản” hoặc “Nguồn vốn” không làm thay đổi số tổng cộng của BCĐKT
- ✓ Nghiệp vụ kinh tế ảnh hưởng đồng thời đến “Tài sản” và “Nguồn vốn” thì làm thay đổi số tổng cộng của BCĐKT.
- ✓ Trong bất kỳ trường hợp nào, nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng không làm mất tính chất cân đối của Bảng cân đối kế toán.

36

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Các yếu tố của Báo cáo kết quả HĐKD
- Nội dung và kết cấu của báo cáo
- Ý nghĩa của báo cáo.

37

## Các yếu tố của Báo cáo kết quả HĐKD

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** trình bày sự thay đổi tình hình tài chính dưới góc độ kết quả hoạt động kinh doanh thông qua tình hình **doanh thu, thu nhập, chi phí và lãi/lỗ** trong một thời kỳ

38

## Các yếu tố của Báo cáo kết quả HĐKD (tiếp)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					HOẠT ĐỘNG KHÁC	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			Doanh thu hoạt động tài chính		Thu nhập khác	
Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Chi phí tài chính	<b>LN thuần từ HĐKD</b>	Chi phí khác	<b>LN khác</b>

↓

<b>LN trước thuế</b>	
Chi phí thuế TNDN	LN sau thuế

39

## Ví dụ 3

Ghép cặp các nội dung phù hợp

- |   |   |
|---|---|
| 1. Bán lô hàng với giá bán 300          | a. Chi phí thuế TNDN                      |
| 2. Số thu từ nhượng bán TSCĐ            | b. Giá xuất kho của lô hàng đã bán là 100 |
| 3. Thuế phải nộp trên LN phải chịu thuế | c. Doanh thu bán hàng                     |
| 4. Lãi vay                              | d. Chi phí tài chính                      |
| 5. Chi cho nhượng bán TSCĐ              | e. Thu nhập khác                          |
| 6. Giá vốn hàng bán                     | f. Chi phí bán hàng                       |
|   | g. Chi phí khác                           |

40

### Bài tập thực hành 5

Có số liệu về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp Hoa Mai trong tháng 9/20x1 như sau:

- Bán máy in công nghiệp với giá bán 150.000.000đ, giá vốn của số máy in đã bán là 110.000.000đ.
- Bán mực in với giá 20.000.000đ, giá vốn là 15.000.000đ.
- Chi phí vận chuyển máy in đi bán là 8.500.000đ
- Chi phí điện thoại, điện, nước chung của doanh nghiệp là 5.000.000đ
- Chi phí quảng cáo là 2.000.000đ.
- Chi phí tiền lương của nhân viên văn phòng là 4.000.000đ
- Chi phí lãi vay ngân hàng là 1.500.000đ.
- Lãi tiền gửi ngân hàng theo giấy báo của ngân hàng là 500.000đ.
- Thanh lý một số thiết bị đã khấu hao hết, thu được 1.200.000đ.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

41

### Kết cấu của báo cáo

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và CCDV			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần			
4. Giá vốn hàng bán			
5. Lợi nhuận gộp			
6. Doanh thu tài chính			
7. Chi phí tài chính			
8. Chi phí bán hàng			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
10. LN thuần từ HĐKD			

42

### Kết cấu của báo cáo (tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
11. Thu nhập khác			
12. Chi phí khác			
13. LN khác			
14. Tổng lợi nhuận trước thuế			
15. Chi phí thuế TNDN			
16. Lợi nhuận sau thuế			

43

### Bài tập thực hành 6

Dùng dữ liệu của bài tập thực hành 5 để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Hoa Mai trong tháng 9/20x1.

44

## Ý nghĩa của Báo cáo KQHĐKD

BCKQHĐKD cung cấp thông tin cho việc đánh giá:

- Quy mô kinh doanh: thể hiện qua doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.
- Khả năng sinh lời

45

## Bài tập thực hành 7

Sử dụng Bài tập thực hành 5 để trả lời các câu hỏi sau:

1. Quy mô kinh doanh của doanh nghiệp tháng này có tăng trưởng so với tháng trước hay không, biết doanh thu tháng trước là 160 triệu đồng. Được biết ngành kinh doanh này có hoạt động ổn định trong suốt các tháng trong năm, ngoại trừ 1 tháng trước tết và 1 tháng sau tết.
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có đang bị cạnh tranh gay gắt không?
3. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao hay không?
4. Doanh nghiệp có chịu các áp lực về chi phí đi vay hay không?
5. Trong kỳ, lợi nhuận của doanh nghiệp có tăng/giảm đáng kể do các giao dịch không thường xuyên hay không?
6. Giả sử vốn đầu tư vào doanh nghiệp là 800 triệu đồng. Theo bạn, việc đầu tư vào doanh nghiệp có lợi hơn việc gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng hay không? Giả sử lãi suất tiền gửi ngân hàng hiện nay là 1%/tháng.

46

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Khái niệm
- Các dòng tiền
- Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ

47

## Khái niệm

- ❑ Cung cấp thông tin về sự thay đổi tình hình tài chính
- ❑ Tiếp cận từ phía các dòng tiền ra và dòng tiền vào trong kỳ của doanh nghiệp phân chia theo ba hoạt động: *hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.*

48

### Các dòng tiền

**Dòng tiền từ Hoạt động kinh doanh:** dòng tiền có liên quan đến các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp. Trong đó:

- Dòng thu từ hoạt động kinh doanh gồm tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Dòng chi cho hoạt động kinh doanh gồm tiền chi ra cho việc mua nguyên vật liệu, hàng hóa, trả lương cho công nhân viên, trả tiền thuê nhà xưởng, các chi phí vật dụng.....

49

### Các dòng tiền (tiếp)

**Dòng tiền từ Hoạt động đầu tư:** dòng tiền có liên quan đến các hoạt động mua sắm, xây dựng, nhượng bán, thanh lý tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác. Trong đó:

- Dòng thu từ hoạt động đầu tư gồm tiền thu được từ việc bán/thanh lý tài sản dài hạn (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...), tiền thu hồi các khoản vốn đã góp vào các đơn vị khác, tiền lãi cho vay, lợi nhuận được chia...
- Dòng chi cho hoạt động đầu tư gồm tiền chi mua sắm tài sản dài hạn, chi tiền góp vốn vào các đơn vị khác, chi tiền cho vay hay mua các công cụ nợ...

50

### Các dòng tiền (tiếp)

**Hoạt động tài chính:** dòng tiền có liên quan đến việc thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp.

Trong đó:

- Dòng thu từ hoạt động tài chính gồm thu tiền từ việc phát hành cổ phiếu hay chủ sở hữu góp vốn, nhận được tiền vay ngắn hạn, tiền vay dài hạn
- Dòng chi cho hoạt động tài chính gồm tiền chi trả vốn cho chủ sở hữu, tiền cổ tức trả cho cổ đông, tiền nợ gốc của các khoản vay.

51

### Ví dụ 4

Chỉ tiêu	Số tiền	HĐKD	HĐĐT	HĐTC
Thu tiền khách hàng trả nợ tiền mua hàng kỳ trước	860			
Thu tiền vay ngắn hạn từ ngân hàng	420			
Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt	300			
Thu tiền ông M góp vốn vào công ty	1.000			
Chi tiền mua hàng hóa dự trữ để bán trong kỳ sau	420			
Chi trả lãi vay ngắn hạn	80			
Chi trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn	600			
Chi trả nợ người bán tài sản cố định đã mua kỳ trước	180			
Bán hàng thu tiền mặt	830			
Nộp tiền mặt vào ngân hàng	200			

52

### Kết cấu báo cáo LCTT

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			
3. Tiền chi trả cho người lao động			
4. Tiền lãi vay đã trả			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>			

### Kết cấu báo cáo LCTT (tiếp)

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT</b>			

### Kết cấu báo cáo LCTT (tiếp)

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH			
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
3. Tiền thu từ đi vay			
4. Tiền trả nợ gốc vay			
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>			

### Bài tập thực hành 8

Chi tiêu	Số tiền	Chi tiêu	Số tiền
Tiền đầu kỳ	3.000	Chi trong kỳ	
Thu trong kỳ		Chi trả nợ nhà cung cấp hàng hoá và dịch vụ	3.000
Thu từ bán hàng	15.000	Chi trả nợ vay	4.000
Thu từ nhượng bán tài sản cố định	300	Chi trả lãi vay	1.000
Thu do đi vay	6.000	Chi đầu tư vào công ty L	7.000
Thu do phát hành cổ phiếu	4.000	Chi mua tài sản cố định	4.000
Thu do bán lại cổ phần đầu tư trong công ty K	2.000	Chi trả lương người lao động	2.000
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	200	Chi nộp thuế TNDN	500
Thu lãi được chia từ các khoản đầu tư	300	Chi trả cổ tức	3.500
Thu do được bồi thường	200	Chi trả nợ cho nhà cung cấp thiết bị	2.000
Tổng cộng thu	28.000	Cộng chi trong kỳ	27.000
		Tiền cuối kỳ	4.000

56

## Bài tập thực hành 8 (tiếp)

### Yêu cầu

- Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 20x2 của công ty BB.
- Cho biết hoạt động nào tạo ra tiền và hoạt động nào sử dụng tiền của công ty?

57

## Ý nghĩa

- ❖ Giúp người đọc thấy được các hoạt động đã tạo ra tiền và sử dụng tiền như thế nào
- ❖ Đánh giá những ảnh hưởng của chúng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

58

## Bản thuyết minh BCTC

Giải thích và bổ sung thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính trên không thể trình bày rõ ràng, chi tiết hoặc chưa nêu ra được:

- Các chính sách (hoặc phương pháp kế toán) mà đơn vị áp dụng..
- Các số liệu chi tiết của một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Những thông tin quan trọng chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính.

59

## Các nguyên tắc và giả định kế toán cơ bản

- ✓ Hoạt động liên tục
  - ✓ Giá gốc
  - ✓ Thận trọng
  - ✓ Cơ sở dồn tích và phù hợp
  - ✓ Nhất quán
- Đơn vị kinh tế
  - Đơn vị tiền tệ
  - Kỳ kế toán

60

## Hoạt động liên tục

- Doanh nghiệp đang hoạt động và sẽ còn tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần.
- Làm cơ sở cho nhiều cách xử lý trong kế toán

61

## Giá gốc

- ❑ Doanh nghiệp ghi nhận các tài sản mà doanh nghiệp đang nắm giữ theo chi phí thực tế mà doanh nghiệp bỏ ra để có được các tài sản đó.
- ❑ Nguyên tắc này xuất phát từ tính khách quan của việc xác định giá gốc.

62

## Thận trọng

Doanh nghiệp không được đánh giá **tài sản** và các khoản **thu nhập cao hơn** giá có thể thực hiện, cũng như không được đánh giá các khoản **nợ phải trả và chi phí thấp hơn** giá trị phải thanh toán.

63

## Ví dụ 5

- Ngày 15.12.20x1, công ty A nhập khẩu lô hàng H với giá mua 100 triệu đồng. Thuế nhập khẩu 20 triệu đồng và thuế giá trị gia tăng (sẽ được hoàn lại) 12 triệu đồng. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho là 3 triệu đồng.
- Ngày 31.12.20x1, giá có thể bán (sau khi trừ chi phí bán ước tính) chỉ còn 100 triệu đồng.
  - Hãy tính giá trị hàng H được ghi nhận vào ngày 15.12.20x1?
  - Hàng H được trình bày trên BCTC vào ngày 31.12.20x1 với số tiền là bao nhiêu?

64



## Cơ sở dồn tích và Phù hợp

### Cơ sở dồn tích

- Ghi nhận và trình bày về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí dựa trên cơ sở nghiệp vụ kinh tế phát sinh chứ không phải dựa trên cơ sở thu tiền hay chi tiền.

### Phù hợp

- Phải xác định chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ để xác định đúng đắn kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

65

## Ví dụ 6

- Ngày 10.12.20x1, nhập kho 200đv hàng A với giá mua là 100 triệu đồng, chưa trả tiền. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho là 2 triệu đồng, đã trả bằng tiền mặt.
- Ngày 20.12.20x1, xuất kho 100đv hàng A để bán cho khách hàng K với giá bán là 180 triệu đồng, khách hàng K đã trả 150 triệu đồng bằng chuyển khoản.
  - a. Hãy tính giá trị hàng A nhập kho
  - b. Tính lợi nhuận của hoạt động kinh doanh.

66

## Nhất quán

- ❑ Sử dụng chính sách và phương pháp kế toán phải nhất quán để đảm bảo số liệu kế toán có thể so sánh được giữa các kỳ hoặc giữa các doanh nghiệp.
- ❑ Nhất quán có nghĩa là cùng một sự vật, hiện tượng thì phải sử dụng một chính sách hoặc phương pháp kế toán.

67

## Đơn vị kinh tế

Hoạt động kinh tế của một doanh nghiệp có thể được theo dõi và ghi nhận tách biệt với người chủ doanh nghiệp và các doanh nghiệp khác.

68

## Đơn vị tiền tệ

- ❑ Giả định rằng tiền tệ là thước đo thích hợp và hữu ích đối với kế toán tài chính.
- ❑ Giả định cho rằng sức mua của đồng tiền tương đối ổn định; nghĩa là lạm phát ở mức độ chưa đủ ảnh hưởng đến độ tin cậy và khả năng so sánh của báo cáo tài chính.

69

## Kỳ kế toán

- ❑ Giả định kỳ kế toán cho rằng các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp có thể chia vào những thời kỳ nhất định, ví dụ tháng, quý hay năm.
- ❑ Kỳ kế toán thường được chọn là một năm – gọi là niên độ kế toán.

70

## Bài tập thực hành 9

Hãy nêu nguyên tắc, giả định kế toán ảnh hưởng đến cách xử lý của kế toán

1. Ông Nam là chủ sở hữu và đồng thời là giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Nam. Ngày 02.3.20x1 có một khoản nợ phải trả của Thiên Nam đến hạn trả nhưng công ty đang tập trung mua hàng nên thiếu tiền thanh toán. Ông Nam dùng tiền cá nhân giao cho nhân viên công ty để thanh toán khoản phải trả trên. Sau đó ông Nam quên mất việc này cho đến khi đọc báo cáo tài chính năm 20x1 và nhận thấy có một khoản công ty vay của mình.
2. Công ty Bùi Văn bán máy nỏ cho nông dân. Ngày 31/12/20x1 có 2 khách hàng đã quá hạn 9 tháng vì bị thiệt hại nặng do cơn bão tháng 3. Kế toán công ty Bùi Văn ghi nhận khoản phải thu khách hàng theo số tiền thực tế có khả năng thu hồi thay vì ghi theo số nợ gốc kèm theo lãi trả chậm.

71

## Bài tập thực hành 9

3. Công ty Alpha thường trả lương thành 2 đợt. Đợt 1 vào ngày 15 hàng tháng và đợt 2 vào ngày 3 tháng sau. Khi lập báo cáo tài chính năm, kế toán công ty ghi tiền lương đợt 2 tháng 12 như một khoản phải trả.
4. Xí nghiệp Xuân Hưng nhập khẩu một thiết bị với giá 100 triệu. Xí nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu 10 triệu và thuế giá trị gia tăng 11 triệu. Chi phí vận chuyển về xí nghiệp là 2 triệu. Được biết thuế nhập khẩu không được hoàn lại nhưng thuế giá trị gia tăng sẽ được hoàn lại qua hình thức khấu trừ. Kế toán đơn vị ghi nhận thiết bị trên sổ sách với giá 112 triệu.

72

## Các hạn chế của BCTC

Không phản ảnh được giá trị hiện tại của tài sản và doanh nghiệp.

Chưa quan tâm đến thông tin phi tài chính

Sử dụng nhiều ước tính, xét đoán và kỹ thuật phân bổ

Thường cung cấp thông tin chậm hơn so với nhu cầu của người sử dụng.

73